

## BIẾN ĐỔI QUAN HỆ TỘC NGƯỜI XUYÊN BIÊN GIỚI TẠI TỈNH HÀ GIANG DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA HÀNG RÀO BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

**ThS. Tạ Thị Anh**  
**Học viện Chính trị khu vực I**  
**Email: taanh92@gmail.com**

**Tóm tắt:** Đầu năm 2020, khi đại dịch COVID-19 bùng phát, thực hiện chính sách “Zero Covid”, Chính phủ Trung Quốc tiến hành xây dựng hàng rào biên giới kiên cố giữa Việt Nam và Trung Quốc. Sau hơn bốn năm, dọc biên giới tỉnh Hà Giang hầu hết các cửa khẩu phụ, lối mở chưa thông quan và thông thương, trong khi đường mòn và đường dân sinh không còn. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của các tộc người, làm biến đổi mối quan hệ giữa các tộc người sống ở hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Bài viết phân tích làm rõ những tác động của hàng rào biên giới đến mối quan hệ tộc người xuyên biên giới ở tỉnh Hà Giang trên các lĩnh vực hoạt động kinh tế, sinh hoạt xã hội và giao lưu văn hóa.

**Từ khóa:** Quan hệ tộc người, xuyên biên giới, hàng rào biên giới, Việt Nam, Trung Quốc.

**Abstract:** In early 2020, as the COVID-19 pandemic broke out, the Chinese government, implementing its "Zero Covid" policy, began constructing a solid border fence between Vietnam and China. After more than four years, most of the secondary border gates and crossings along Ha Giang province's border remain closed to customs and trade, while trails and pathways for local people are no longer accessible. This has directly affected the lives of ethnic groups, altering relationships between those living on both sides of the Vietnam - China border. This article analyses and clarifies the impact of the border fence on cross-border ethnic relations in Ha Giang province, focusing on economic activities, social life, and cultural exchange.

**Keywords:** Ethnic relations, cross-border, border fence, Vietnam, China.

Ngày nhận bài: 12/9/2024; ngày gửi phản biện: 25/12/2024; ngày duyệt đăng: 18/2/2025.

### Mở đầu

Quan hệ tộc người xuyên biên giới (XBG) xuất hiện từ lâu trong lịch sử, có thể là quan hệ thân tộc, đồng tộc hoặc khác tộc, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,... (Vương Xuân Tình, 2014). Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là

địa bàn cư trú chủ yếu của các tộc người thiểu số (TNTS). Từ lâu, phần lớn các tộc người cư trú xen kẽ dọc các tuyến biên giới này đều có mối quan hệ hôn nhân, đồng tộc, quan hệ họ hàng thân thích, thậm chí là quan hệ khác tộc XBG. Trong khi, các mối quan hệ tộc người XBG cũng thường bắt nguồn từ các mối quan hệ gia đình, thân tộc ở vùng biên giới (Đặng Thị Hoa, Đậu Tuấn Nam, 2016, tr. 97). Đặc biệt, đầu những năm 1990, hai nước Việt Nam và Trung Quốc chính thức bình thường hóa quan hệ, đường biên giới được mở cửa trở lại. Từ đó, quan hệ giữa hai quốc gia phát triển nhanh chóng, toàn diện và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, khoa học, quốc phòng, an ninh ở cả cấp độ Trung ương và địa phương, nhất là các tỉnh biên giới giữa hai nước.

Đến nay, đã có không ít nghiên cứu về quan hệ tộc người XBG ở Việt Nam, trong đó có vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, song chưa có nhiều nghiên cứu về kinh tế - xã hội và sự biến đổi trong quan hệ tộc người ở hai bên biên giới phía Bắc nước ta từ khi Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới kiên cố giữa Trung Quốc và Việt Nam. Dựa trên cơ sở một số tài liệu đã công bố và nguồn tư liệu điền dã vào tháng 7/2024 tại 5 xã biên giới của 5 huyện thuộc tỉnh Hà Giang, bài viết này đề cập đến thực trạng biến đổi quan hệ tộc người XBG tại tỉnh Hà Giang hiện nay trên các lĩnh vực hoạt động kinh tế, sinh hoạt xã hội và giao lưu văn hóa dưới tác động của hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

### **1. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu**

Hà Giang là tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, phía đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang, phía bắc giáp hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc với đường biên giới dài 277,556km. Đường biên giới này đi qua 7 huyện, 32 xã và 2 thị trấn, trong đó có một cặp cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy - Thiên Bảo; 3 cặp cửa khẩu phụ gồm Săm Pun - Điền Bồng, Phó Bảng - Đồng Cán, Xín Mần - Đô Long và 11 lối mở qua lại đường biên giới. Tỉnh Hà Giang có diện tích tự nhiên là 7.929,48km<sup>2</sup>, với các đơn vị hành chính gồm 1 thành phố, 10 huyện, 5 phường, 13 thị trấn và 175 xã (Cổng giao tiếp điện tử tỉnh Hà Giang, 2024). Hà Giang có địa hình khá phức tạp, bởi nhiều dãy núi cao, độ dốc lớn và là nơi sinh sống của 18 tộc người với dân số trên 854.679 người (Tổng cục Thống kê, 2019). Cụ thể là các tộc người Kinh, Hmông, Tày, Nùng, Dao, Lô Lô, Giáy, La Chí, Pu Péo, Bó Y, Phù Lá, Hoa..., trong đó đồng bào TNTS chiếm tỷ lệ gần 90% (Lan Hương, 2022).

Qua nghiên cứu tại thực địa vào tháng 7/2024 cho thấy, đến nay các TNTS cư trú dọc đường biên giới tỉnh Hà Giang vẫn duy trì các mối quan hệ họ hàng, thân tộc, đồng tộc, thông gia, bạn bè thân hữu, kể cả các quan hệ xã hội khác liên quan hoạt động kinh tế, sinh hoạt xã hội, giao lưu văn hóa..., với người dân vùng biên giới hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc. Nguyên nhân do các tộc người ở hai bên biên giới này không gặp cách trở về địa lý, có điểm tương đồng về văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán. Vì thế, đường biên giới quốc gia tuy được phân định rõ ràng và có chính sách quản lý đường biên theo quy định luật pháp

của hai nước, song quan hệ tộc người XBG vẫn luôn được duy trì, thậm chí gia tăng từ khi có phong trào di cư lao động làm thuê từ Việt Nam sang Trung Quốc. Vấn đề này chỉ tạm dừng lại từ đầu năm 2020 do đại dịch COVID-19 bùng phát, đặc biệt khi Chính phủ Trung Quốc thực hiện chính sách “Zero Covid” đã tiến hành xây dựng “hàng rào” biên giới kiên cố giữa Việt Nam và Trung Quốc, có gắn loa phát thanh cùng các thiết bị quan sát, dẫn đến tình trạng tất cả các đường mòn, lối mở, cửa khẩu phụ trên tuyến biên giới tiếp giáp Việt Nam đều ngừng hoạt động. Đến nay, sau hơn 4 năm xây dựng hàng rào trên tuyến biên giới phía Bắc, ngoài các cửa khẩu lớn, hầu hết các cửa khẩu phụ, lối mở vẫn chưa thông quan, thông thương, đường dân sinh không còn tồn tại. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới đời sống người dân mà còn làm biến đổi mối quan hệ giữa các tộc người sống ở hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc theo nhiều hình thức, cách thức, thể hiện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa.

Để nghiên cứu thực trạng biến đổi quan hệ tộc người XBG tại tỉnh Hà Giang hiện nay, các điểm khảo sát chính được chọn là 5 xã biên giới thuộc 5 huyện của tỉnh này. Đó là các xã Nghĩa Thuận (huyện Quản Bạ), Lũng Cú (huyện Đồng Văn), Thượng Phùng (huyện Mèo Vạc), Minh Tân (huyện Vị Xuyên) và Phú Lũng (huyện Yên Minh). Tại các điểm nghiên cứu thuộc 5 huyện, tác giả bài viết đã tiến hành phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm với cán bộ và người dân địa phương, điều tra bằng 160 phiếu hỏi với người dân các TNTS cư trú tại 5 xã biên giới. Trong đó, tỷ lệ nam giới trả lời phiếu hỏi là 56,2%, nữ giới là 43,8%; người trả lời phiếu là dân tộc Hmông 38%, dân tộc Tày 27,5%, dân tộc Nùng 21,8%...; độ tuổi trung bình của người trả lời phiếu hỏi là 45, trong đó người lớn tuổi nhất là 56 tuổi và trẻ nhất là 30. Khi kết hợp đối chiếu với một số tài liệu đã công bố và kết quả phân tích các tư liệu thu thập được qua khảo sát thực địa cho thấy, sự biến đổi quan hệ tộc người XBG tại tỉnh Hà Giang dưới tác động hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc diễn ra trên nhiều khía cạnh. Song, như đã đề cập, bài viết chỉ tập trung vào những biến đổi quan hệ tộc người XBG trong ba lĩnh vực cụ thể là hoạt động kinh tế, sinh hoạt xã hội và giao lưu văn hóa.

## **2. Biến đổi quan hệ tộc người trong hoạt động kinh tế**

Trong hoạt động kinh tế, quan hệ giữa các tộc người ở hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã xuất hiện từ lâu, tuy có lúc thăng, trầm, sôi động khác nhau tùy theo bối cảnh lịch sử. Tại khu vực biên giới tỉnh Hà Giang gần đây, quan hệ này diễn ra trên nhiều khía cạnh, bằng nhiều hình thức, bao gồm hoạt động kinh tế tự phát giữa các hộ sản xuất hoặc kinh doanh, doanh nghiệp kinh tế tư nhân và giữa người dân với nhau. Điển hình là các mối quan hệ trao đổi sản phẩm, trao truyền kinh nghiệm sản xuất, cho thuê đất trồng trọt hoặc kinh doanh, thuê nhân công lao động... Cùng với đó là hoạt động thu gom, bao tiêu hàng nông sản, buôn bán vật tư, vật liệu xây dựng, phân bón, hàng tiêu dùng..., của các hộ kinh doanh và cá nhân. Việc trao đổi, buôn bán diễn ra tại các cửa khẩu, chợ biên giới, thậm chí trong các bản/làng ở hai bên đường biên. Nhìn chung, mối quan hệ trong hoạt động kinh tế giữa hai bên

biên giới thường được kết nối thông qua những người cùng dòng họ, thân tộc, đồng tộc, bạn bè, người quen biết.

Trước đây, các TNTS ở hai bên biên giới thường xuyên trao đổi giống cây trồng, vật nuôi, dược liệu, phân bón, thuê đất canh tác..., đồng thời học hỏi, trao truyền cho nhau kinh nghiệm sản xuất. Một vài địa phương đã hình thành vùng chuyên canh trồng một số loại cây, trang trại hay gia trại chăn nuôi trâu, bò, lợn để bán sang Trung Quốc, bởi các nông sản, vật nuôi bán sang Trung Quốc thường có giá cao hơn so với bán ở trong nước. Qua đó, hình thành mạng lưới chợ buôn bán trâu, bò nơi biên giới tại các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc. Điển hình như xã Lũng Táo (huyện Đồng Văn) từ lâu đã hình thành chợ trâu, bò vùng biên giới, thu hút lượng khách lớn tới mua bán trâu, bò từ trong và ngoài huyện, thậm chí có cả trâu, bò miền xuôi đưa lên để bán sang Trung Quốc. Vì thế, Trung Quốc được đánh giá là thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản, chăn nuôi, cây dược liệu..., của các TNTS ở Hà Giang, góp phần tăng thu nhập, đảm bảo phần nào đời sống của người dân. *“Trước đây chúng tôi trồng ngô bán sang Trung Quốc dễ dàng, giá dao động 8.000 - 9.600 đồng/kg. So với giá cả thị trường tại Việt Nam, giá bán này chênh lệch cao hơn, từ 1.000 đến 2.000 đồng. Đồng thời, một số người dân còn thu mua từ các thương lái trong nước để bán sang Trung Quốc”* (PVS người dân xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên).

Từ khi Trung Quốc xây dựng hàng rào kiên cố chạy dọc tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, các sản phẩm nông sản, vật nuôi, sản vật tự nhiên “mất giá”, ứ đọng do không thể bán sang Trung Quốc như trước. Hầu hết các địa phương biên giới ở Hà Giang đều khó khăn trong tìm đầu ra cho nông sản, vật nuôi của người dân. *“Khi có hàng rào biên giới, việc mua bán sản phẩm nông nghiệp gần như ngừng hẳn. Tuy chúng tôi vẫn trồng trọt, chăn nuôi nhưng thị trường tiêu thụ giảm, bán không được giá. Để có thể mua bán được giá thì phải làm các thủ tục, giấy tờ và nộp thuế hải quan cùng chi phí khác, điều này không tiện cho chúng tôi”* (PVS người dân xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên). Hiện nay, hầu hết các gia đình đều giảm quy mô sản xuất, chủ yếu trồng trọt, chăn nuôi đơn lẻ phục vụ sinh hoạt, bởi giá nông sản, trâu, bò, thảo quả đã giảm nhiều so với trước. *“Hiện tại giá bò giảm hơn 40% so với trước khi có hàng rào biên giới. Nếu như trước kia là 90.000 đồng/kg bò hơi thì nay chỉ khoảng 50.000 đồng/kg bò hơi, gây ra thiệt hại lớn cho người dân chăn nuôi”* (PVS cán bộ huyện Đồng Văn).

Khu vực biên giới Hà Giang khắc nghiệt về tự nhiên, sản xuất nông nghiệp bất cập, công nghiệp và dịch vụ ít phát triển, nên đời sống của người dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Để giải quyết vấn đề lao động nông nhân nhằm tăng thu nhập cho gia đình, người dân các TNTS thường sang Trung Quốc làm thuê. Vốn sẵn các mối quan hệ thân tộc, đồng tộc nên khi chưa có hàng rào biên giới, phần lớn người dân đi “chui” theo các lối mòn, đường sông sang Trung Quốc, mà không qua cửa khẩu. Theo báo cáo của Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh Hà Giang, số người vượt biên sang Trung Quốc làm thuê tăng lên mỗi năm, chủ yếu người dân

TNTS ở nơi biên giới. Cụ thể, năm 2012, các huyện biên giới có 11.652 lượt người/11.898 lượt người toàn tỉnh sang Trung Quốc lao động “chui”; năm 2013 có 17.263/17.568 lượt người; năm 2014 là 19.743/20.313 lượt người; năm 2015 có 23.460/24.043 lượt người. Trong đó, 94% số lao động này sang Trung Quốc qua đường mòn, không đăng ký xuất nhập cảnh theo quy định (Lam Hạnh, 2017). Năm 2017, riêng thị trấn Phố Cáo (huyện Đồng Văn) có 795 lao động làm việc tại Trung Quốc (Phan Tân, Trần Thị Thanh Giang, 2019, tr. 31-32). Theo một cán bộ xã Phú Lũng (huyện Yên Minh), trước khi có hàng rào biên giới, số công dân xã này sang Trung Quốc làm thuê khoảng trên 500 người/năm, gồm cả số lao động đi lại trong ngày và đi lâu vài tháng. Công việc làm thuê ở Trung Quốc không yêu cầu trình độ, chủ yếu phụ xây, làm gạch, phát nương, trồng và chặt mía, làm cỏ sắn hay lúa, hái quả, bốc vác hàng hóa, vận chuyển hàng qua biên giới. Mức thu nhập tùy loại việc, một ngày được khoảng 300.000 - 400.000 đồng, khoảng 8.000.000 - 12.000.000 đồng/tháng. Đi làm thuê ở Trung Quốc qua hình thức “chui” tuy gặp rủi ro như nợ lương, quỵt lương, bị đánh đập, làm việc quá giờ..., nhưng được một nguồn thu quan trọng đối với các TNTS nơi biên giới. Khoản thu nhập này giúp người dân trang trải cuộc sống gia đình, nuôi con ăn học, mua sắm phương tiện đi lại, xây dựng nhà cửa... Ví dụ như xã Phú Lũng thuộc huyện Yên Minh, nhờ có nhiều người di cư lao động qua biên giới trong nhiều năm nên đời sống của người dân được cải thiện, tỷ lệ nhà ở kiên cố được xây dựng ngày một tăng, giúp cho Phú Lũng trở thành xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 (Nguyễn Thị Thanh Bình - Vương Xuân Tình, 2023, tr. 82).

Khi làm thuê ở Trung Quốc, người dân các TNTS đều thiết lập quan hệ với những người chủ lao động, đặc biệt người Hmông luôn nhanh chóng kết nối với những người cùng dòng họ, đồng tộc, đồng thời nảy sinh các mối quan hệ bạn bè, hôn nhân,... Song, sau khi xây dựng hàng rào biên giới, nếu muốn sang Trung Quốc làm thuê, người dân phải làm hộ chiếu cùng các thủ tục xuất cảnh qua đường chính ngạch với khoản chi phí khoảng 6 triệu đồng/người cho thời gian lưu trú tối đa 15 ngày, vì thế thu nhập khi đi làm thuê bên Trung Quốc đã không còn đáng kể nếu khấu trừ chi phí này (Trương Văn Cường, 2023, tr. 72). Bởi vậy, phần lớn các lao động từng đi làm thuê trái phép ở Trung Quốc đều thất nghiệp, đồng nghĩa với việc thiếu nguồn thu nhập, dẫn đến đời sống của người dân gặp khó khăn, tăng tỷ lệ hộ nghèo và tái nghèo ở các địa phương biên giới. Cụ thể, chỉ 6 tháng đầu năm 2024, huyện Quản Bạ có 5.639 hộ nghèo, chiếm 44,4% tổng số hộ toàn huyện, trong đó tổng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là 58,21%, số hộ cận nghèo là 1.754 hộ, chiếm 13,81% (UBND huyện Quản Bạ, 2024); huyện Đồng Văn có 8.782 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 51,42% và 2.421 hộ cận nghèo, chiếm 14,17% (UBND huyện Đồng Văn, 2024b);...

Để thích ứng, một bộ phận người lao động vùng biên đã quay lại làm nông nghiệp, số khác đi làm thuê tự do hoặc làm công nhân tại các khu công nghiệp, thậm chí xuất khẩu lao động theo con đường chính ngạch. Song, để công việc có thu nhập khá và ổn định, đòi hỏi về

tay nghề và trình độ, nếu làm việc tự do hay nông nghiệp thường cho thu nhập thấp, bấp bênh. Phần lớn những người đi làm công nhân tại các khu công nghiệp ở Bắc Ninh, Hải Phòng, Bình Dương..., đều có lương thấp, xa nhà, mệt mỏi vì làm ca đêm. Trước thực trạng này, các huyện biên giới đều tích cực triển khai chương trình đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm, tạo sinh kế cho người lao động bằng cách tổ chức ngày hội việc làm để tạo cầu nối giữa doanh nghiệp ở các tỉnh đồng bằng/thành phố với người lao động, kết hợp đưa người lao động sang Trung Quốc làm việc theo Thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới với châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2024, huyện Mèo Vạc đã giải quyết việc làm cho 6.496 lao động, đạt 324,8% kế hoạch. Trong đó, số lao động đi xuất khẩu, làm việc ngoài tỉnh và làm việc tại Trung Quốc theo “Biên bản Thống nhất về quản lý lao động qua biên giới” là 5.900 lao động, đạt 491,7% kế hoạch; số lao động được giải quyết việc làm mới là 1.580 lao động (Minh Đức, 2024). Tuy nhiên, thực tế không phải người lao động nào cũng muốn đi theo con đường này bởi nhiều lý do như thời gian lao động kéo dài từ 3 tháng trở lên, phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định đã ký kết trong hợp đồng lao động, mất phí xuất nhập cảnh,... Song, do chưa có việc làm, không thể di cư lao động tự do sang Trung Quốc như trước đây, nên buộc họ phải lựa chọn đi lao động thông qua thỏa thuận quản lý biên giới, xuất khẩu theo đường chính ngạch.

Riêng quan hệ mua bán hàng hóa, tại Hà Giang trước khi có hàng rào biên giới đã hình thành đội ngũ thương nhân nhưng phần lớn chỉ buôn bán trâu, bò và buôn bán nhỏ. Hoạt động này ban đầu dựa trên mối quan hệ thân tộc, đồng tộc, rồi chuyển dần sang các quan hệ quen biết, bạn hàng. Mạng lưới xã hội trong buôn bán cũng được hình thành, chủ yếu ở người Hmông, Dao, Tày, Nùng,... Theo đó, người dân phía Việt Nam sang chợ Trung Quốc bán thảo dược, nông sản, một số loại vải..., rồi mua quần áo, thuốc chữa bệnh, thuốc trừ sâu, phân bón, nông cụ mang về Việt Nam bán cho người trong bản, xã. “*Tôi thường sang chợ Trung Quốc để mua phân bón, thức ăn chăn nuôi, hàng tạp hóa về bán cho bà con quanh vùng*” (PVS người dân xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ). Trước dịch COVID-19, buôn bán qua đường tiểu ngạch, dân sinh rất phổ biến, diễn ra thường xuyên, đặc biệt buôn bán trâu, bò và hàng hóa nhỏ lẻ. Do đường sá đi lại dễ dàng, chợ biên giới gần kề, việc mua hàng từ bên kia biên giới rất tiện và rẻ hơn so với mua từ dưới xuôi lên, nên người dân thường mua hàng của Trung Quốc. Từ khi Trung Quốc siết chặt biên giới, việc trao đổi, buôn bán nhỏ qua đường tiểu ngạch, dân sinh không còn; buôn bán trâu, bò, nông sản xuyên biên giới tan rã; chợ biên giới ngừng hoạt động. Hiện nay, một số thương lái trâu, bò chuyển sang mổ thịt buôn bán nhỏ ở địa phương và các vùng lân cận, số khác quay lại làm nông nghiệp hoặc đi làm thuê hay làm công nhân, nên gặp nhiều khó khăn khi phải chuyển đổi sinh kế. “*Khi Trung Quốc xây dựng xong hàng rào, tôi không còn buôn bán, giao thương được nên đã chuyển sang trồng hồng không hạt. Do không biết kỹ thuật nên gặp nhiều khó khăn khi chăm sóc cây, nhất là lúc cây có sâu bệnh*” (PVS người dân xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ). Hầu hết những mối quan hệ buôn bán, giao dịch trực tiếp với bạn hàng ở Trung Quốc của người dân đều không còn, nhưng họ vẫn giữ liên lạc với nhau qua điện thoại, mạng xã hội.

Nhìn chung, hàng rào biên giới và việc siết chặt quản lý biên giới đã tác động rất lớn đến hoạt động kinh tế của cư dân hai bên biên giới. “Việc xây dựng hàng rào biên giới có tác động lớn đến kinh tế của gia đình, do không mua được giống cây trồng và đồ dùng sinh hoạt với giá rẻ; sản phẩm chăn nuôi không còn bán được giá cao; mất đi việc làm công ở nước bạn để có thu nhập...” (PVS người dân xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên). Trong 160 trường hợp được hỏi về mức độ ảnh hưởng của hàng rào biên giới đến hoạt động kinh tế của người dân vùng biên giới thì có đến 47,5% đánh giá có ảnh hưởng và 28,1% đánh giá rất ảnh hưởng, 11,3% đánh giá ít ảnh hưởng, 13,1% đánh giá không ảnh hưởng. Thực tế cho thấy, tác động của hàng rào biên giới đến hoạt động kinh tế trong mối quan hệ giữa các TNTS diễn ra trên nhiều lĩnh vực. Qua những phân tích nêu trên, cùng số liệu khảo sát thực địa thể hiện trong Bảng 1 sau cho thấy rất rõ sự ảnh hưởng của hàng rào biên giới đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; lao động, việc làm; trao đổi buôn bán hàng hóa.

**Bảng 1: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của hàng rào biên giới đến hoạt động kinh tế của người dân (%)**

<b>Mức độ ảnh hưởng</b>  <b>Lĩnh vực</b>	<b>Không ảnh hưởng</b>	<b>Ít ảnh hưởng</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Ảnh hưởng</b>	<b>Rất ảnh hưởng</b>
<b>Việc làm</b>	16	12	31	76	25
<b>Tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp</b>	18	7	24	85	26
<b>Tiêu thụ sản phẩm thủ công nghiệp</b>	21	23	42	62	12
<b>Trao đổi, buôn bán hàng hóa</b>	16	6	25	87	26

Nguồn: Tư liệu khảo sát của tác giả, tháng 7/2024.

### 3. Biến đổi quan hệ tộc người trong sinh hoạt xã hội

Hà Giang với đặc thù là tỉnh biên giới, nhiều năm qua chính quyền địa phương luôn vun đắp, giữ gìn mối quan hệ với cư dân biên giới láng giềng thông qua nhiều hoạt động thiết thực, nổi bật là mô hình kết nghĩa giữa các cụm cư dân hai bên đường biên. Tỉnh đã tổ chức thành công 14 cụm cho 34/34 xã, thị trấn biên giới kết nghĩa hữu nghị với 11 hương/trấn của Trung Quốc gồm: Thượng Phùng, Xín Cái, Sơn Vĩ (Mèo Vạc) với trấn Điện Bồng (Phú Ninh); thị trấn Đồng Văn (Đồng Văn) với trấn Điện Bồng (Phú Ninh); thị trấn Phố Bàng, xã Phố Là, Phố Cáo, Sủng Là, Sà Phìn, Lũng Táo, Ma Lé, Lũng Cú (Đồng Văn) với trấn Đồng

Cán (Malypho); Nghĩa Thuận, Bát Đại Sơn (Quản Bạ) với hương Bát Bó (Malypho); Tùng Vài, Cao Mã Pờ (Quản Bạ) với hương Hạ Kim Xương (Malypho);... Hai bên cùng tuyên truyền nhân dân xây dựng, vun đắp tình đoàn kết, hữu nghị tốt đẹp của các mối quan hệ thân tộc, dòng họ vốn có từ lâu đời; thường xuyên giao lưu, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phối hợp quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh trật tự, vận động nhân dân chấp hành tốt các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc (Nguyễn Thị Mỹ Diệu, 2021). Song, từ khi Trung Quốc xây dựng hàng rào và thay đổi quản lý biên giới, các hoạt động này bị gián đoạn, đến nay vẫn chưa được kết nối lại.

Trước kia, các tộc người ở biên giới tỉnh Hà Giang đều duy trì quan hệ họ hàng, thân tộc, đồng tộc, láng giềng với các tộc người bên Trung Quốc. Khảo sát 160 người cho thấy, người dân vùng biên giới Hà Giang thường sang Trung Quốc thông qua các quan hệ như: họ hàng, thân tộc có 93/160 trường hợp (chiếm 58,1%); đồng tộc có 40 trường hợp (chiếm 25%); số còn lại thông qua quan hệ hôn nhân, bạn bè. Ở một số huyện như Mèo Vạc, Đồng Văn, nơi tỷ lệ dân tộc Hmông chiếm trên 70% dân số đều có quan hệ họ hàng, đồng tộc với người Hmông bên kia biên giới. Sự cố kết dòng họ và tập quán di cư đã khiến người Hmông trở thành TNTS có quan hệ xuyên quốc gia mạnh nhất với việc tăng cường qua lại thăm thân, tham dự các nghi lễ của đồng tộc ở bên kia biên giới, đi làm thuê và kết hôn XBG (Nguyễn Thị Thanh Bình - Vương Xuân Tình, 2023, tr. 72). Do thuận lợi về mặt địa lý, việc qua lại biên giới thăm thân của người dân các tộc người diễn ra thường xuyên, phổ biến nhất là khi có đám cưới, tang ma, các lễ cúng gia đình, dòng họ. Khi thăm nhau, họ thường đi thành nhóm nhỏ trong thời gian vài ngày tới một tuần, thể hiện nhu cầu tình cảm, văn hóa tinh thần thiết thực đối với mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng tộc người nơi biên giới (Đặng Thị Hoa, Đậu Tuấn Nam, 2016, tr. 98). Trước đây, các tộc người hai bên giáp biên qua lại với nhau “tự do”, ví như sang nhà hàng xóm, bởi qua đó đồng bào tìm việc làm, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, cây giống, con giống, buôn bán nông sản, hàng hóa,... Song, từ khi có hàng rào, các cuộc gặp mặt trực tiếp của cư dân hai nước ít thực hiện. Trong 160 trường hợp được hỏi về mức độ ảnh hưởng của hàng rào biên giới đến hoạt động thăm người thân, tham gia các sinh hoạt của dòng họ, đồng tộc, có 33 trường hợp (20,6%) đánh giá không ảnh hưởng, 29 trường hợp (18,1%) đánh giá ít ảnh hưởng, 26 trường hợp (16,3%) đánh giá bình thường, 61 trường hợp (38,1%) đánh giá ảnh hưởng, 11 trường hợp (6,9%) đánh giá rất ảnh hưởng. Trước đây, nhiều phụ nữ Hmông, Dao, Tày, Nùng..., lấy chồng Trung Quốc thường xuyên về thăm gia đình, người thân vào dịp lễ tết, nhưng đã hơn 4 năm do có hàng rào biên giới nên nhiều người chưa thể trở về, số ít chỉ về trong dịp lễ tết quan trọng. Để thích nghi với bối cảnh mới, các TNTS vùng biên đã thay đổi cách thức, chủ yếu liên lạc bằng điện thoại, kết nối qua các mạng xã hội, nhằm duy trì mối quan hệ thân tộc, dòng họ, đồng tộc. *“Hiện nay do có hàng rào biên giới nên đa số phụ nữ lấy chồng bên Trung Quốc và người thân, họ hàng hai bên biên giới liên lạc với nhau qua số điện thoại, mạng xã hội, một phần nhỏ liên lạc qua Wechat”* (PVS người dân xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ). Khi bên nào có công việc như đám cưới, tang

ma, ốm đau..., thì người bên kia biên giới thường gọi điện hoặc kết nối qua mạng xã hội hỏi thăm, nhờ họ hàng gửi giúp tiền mừng, tiền viếng, tiền động viên, sau đó họ hẹn gặp nhau ở hàng rào để gửi trả lại. Thậm chí, có nơi trong các dịp lễ tết, những người họ hàng, đồng tộc hai bên hẹn nhau qua hàng rào để cùng uống rượu, trò chuyện, chúc mừng nhau. *“Cư dân sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc vốn đã có mối quan hệ anh em, họ hàng sâu sắc, trước đây họ tự do sang nhà nhau. Nhưng khi hàng rào xây dựng, do không qua lại được nên vào các dịp lễ, Tết họ thường gặp nhau, uống rượu, trò chuyện qua hàng rào”* (PVS cán bộ huyện Quản Bạ).

Tại tỉnh Hà Giang đến nay, hầu hết các lối mở qua biên giới chưa hoạt động, có cặp cửa khẩu đã thông quan nhưng không phải người dân nào cũng có thể làm giấy thông hành, hộ chiếu để đi theo đường chính ngạch sang Trung Quốc thăm gia đình, họ hàng, đồng tộc của mình. Bởi vì, một phần người dân các TNTS vùng biên còn “ngại” làm thủ tục nhập cảnh, mặt khác ở một số nơi để đi đến cửa khẩu sang Trung Quốc cũng khá xa, đường sá còn khó khăn, tốn kém tiền bạc, thời gian. Vậy nên, vào những dịp lễ, Tết, đám cưới, đám ma... rất ít người qua lại đường chính ngạch để gặp mặt trực tiếp.

Trước đây, số lượng phụ nữ các TNTS khu vực biên giới Hà Giang kết hôn với người Trung Quốc khá nhiều, thậm chí có xu hướng gia tăng cho đến trước khi có hàng rào biên giới. Cụ thể, từ năm 2012 - 2018, đã có gần 21.500 lượt phụ nữ di cư qua biên giới, trong đó có trên 800 trường hợp lấy chồng người Trung Quốc. Hầu hết các cuộc hôn nhân XBG đều bất hợp pháp, không thực hiện các thủ tục pháp lý về đăng ký kết hôn (Thanh Thủy, 2018). Do không đăng ký kết hôn nên các cuộc hôn nhân XBG không chỉ ảnh hưởng đến quyền công dân, quyền được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước, mà còn ảnh hưởng đến việc học hành của con cái khi không làm được giấy khai sinh. Đặc biệt, hôn nhân XBG luôn tiềm ẩn một số vấn đề trong quản lý phát triển xã hội vùng biên như di cư, làm thuê tự do, buôn bán trẻ em và phụ nữ, tội phạm XBG,... Hiện nay, tỷ lệ phụ nữ các TNTS ở khu vực biên giới tỉnh Hà Giang kết hôn với người Trung Quốc đã giảm đáng kể. *“Từ khi xây dựng hàng rào biên giới đã giảm thiểu tình trạng phụ nữ lấy chồng người Trung Quốc không đăng ký kết hôn, góp phần quản lý tốt hơn vấn đề xã hội ở vùng biên”* (PVS cán bộ huyện Quản Bạ).

#### **4. Biến đổi quan hệ tộc người trong giao lưu văn hóa**

Tại tỉnh Hà Giang, mối quan hệ văn hóa ở hai bên biên giới diễn ra từ lâu, ở hầu hết các tộc người. Nơi đây có rất nhiều nghi lễ, lễ hội độc đáo như: lễ hội Lòong tông của người Tày, lễ Cấp sắc và hội Bàn Vương của người Dao, lễ hội Gầu Tào của người Hmông, lễ cúng rừng của người Pu Péo, lễ cầu mưa và rửa làng của người Lô Lô,... Đó là những dịp cư dân hai bên biên giới gặp gỡ, giao lưu với nhau, thông qua đó hình thành nên các mối quan hệ làm ăn, bạn bè, hôn nhân. Thực tế cho thấy, khi Trung Quốc chưa xây dựng hàng rào biên giới, các TNTS ở hai bên đường biên thường xuyên qua lại giao lưu văn hóa, do họ không gặp trở ngại về ngôn ngữ, có nét tương đồng trong phong tục, tập quán. Song, từ

khi có hàng rào biên giới, cơ hội và sự thuận lợi cho hoạt động giao lưu, tham gia các lễ hội văn hóa của cư dân hai bên đường biên giới không còn. Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của hàng rào biên giới đến hoạt động giao lưu văn hóa, trong 160 người khảo sát có 22 người (13,8%) đánh giá không ảnh hưởng, 36 người (22,5%) đánh giá ít ảnh hưởng, 36 người (22,5%) đánh giá bình thường, 56 người (35%) đánh giá ảnh hưởng, 10 người (6,2%) đánh giá rất ảnh hưởng. Nếu như trước kia vào dịp Tết cổ truyền hay lễ hội truyền thống, người Hmông thường xuyên qua biên giới thăm thân, mời nhau đến dự các lễ hội, Tết, đám cưới, tang ma..., thì nay những hoạt động này không còn diễn ra. Họ buộc phải chuyển sang dùng mạng xã hội để liên hệ, trò chuyện, chúc mừng hoặc chia buồn với nhau. Việc đóng cửa biên giới ít nhiều đã làm đứt gãy mối quan hệ văn hóa của tộc người, tạo nên những thay đổi trong giao lưu văn hóa XBG (Trần Thị Mai Lan, 2022, tr. 20).

Trước đây, những người đồng tộc hai bên biên giới thường mời thầy cúng đến cử hành nghi lễ vào những dịp Tết, lên nhà mới, hay lễ giải hạn bởi họ cùng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và bản/làng sát kề bên nhau. Trường hợp này xuất hiện ở một số dân tộc như Hmông, Dao, Nùng, Lô Lô,... Không chỉ thầy cúng ở Việt Nam được mời sang bên kia biên giới, mà một số người cũng qua Trung Quốc để mời thầy về cúng cho gia đình. Đây là hoạt động diễn ra đã nhiều năm, trở thành thói quen, nếp văn hóa của cư dân hai bên biên giới. Điển hình như xã Nghĩa Thuận (huyện Quán Bạ) - nơi tiếp giáp với thôn Phảng Trà của Trung Quốc, trước đây tộc người Nùng thường xuyên mời thầy cúng ở hai bên biên giới đến cử hành lễ, cúng bái, xem phong thủy cho gia đình. Bởi theo họ, những người thầy cúng rất có uy tín và cũng là người thân trong gia đình sinh sống ở hai nước láng giềng. Hoạt động này cũng thấy diễn ra thường xuyên ở xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên: “*Trước đây, người dân ở các thôn Thượng Lâm, Hoàng Lý Pả, Tân Sơn, Phìn Sảng thường mời thầy cúng của nhau đến cử hành các nghi lễ đám ma, đám cưới...*” (PVS cán bộ xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên). Thông qua đó, những người đồng tộc tiến hành giao lưu, trao truyền, giữ gìn bản sắc văn hóa của tộc người. Từ khi bị ngăn cách bởi hàng rào, thầy cúng ở hai bên biên giới không còn qua lại làm lễ cho những người đồng tộc nữa. Các nghi lễ cúng của gia đình, cộng đồng được thực hiện bởi thầy cúng tại bản và từ những địa phương lân cận trong nước.

Thông qua giao lưu văn hóa, các TNTS ở vùng biên có cơ hội học hỏi nhau về trang phục, ẩm thực, xây dựng nhà cửa,... Điển hình như huyện Đông Văn, đến nay đã có nhiều ngôi nhà được xây dựng mang phong cách, kiến trúc, thiết kế của Trung Quốc. Đồng thời, các tộc người hai bên biên giới cũng thường sử dụng sản phẩm văn hóa như trang phục, băng đĩa, hay phim, nhạc bằng tiếng dân tộc do thị trường Trung Quốc sản xuất. Bên cạnh những tác động tích cực, việc xâm nhập văn hóa ngoại lai từ Trung Quốc cũng có ảnh hưởng tiêu cực đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người và nhận thức về văn hóa quốc gia Việt Nam nói chung. Một số người Hmông ở Trung Quốc đã lợi dụng mối quan hệ đồng tộc, thân tộc để bí mật sang truyền đạo lạ tại nhiều xã của các huyện Mèo Vạc, Yên Minh, Đông Văn,... Họ xúi giục một số phần tử ở Việt Nam sang Trung Quốc học đạo để về lôi

kéo thêm người khác tham gia. Tính đến năm 2017, toàn tỉnh Hà Giang có 872 hộ/4.908 khẩu ở 7 huyện, 35 xã, 109 thôn theo đạo San Su Khệ Tọ, riêng khu vực biên giới có 124 hộ/708 khẩu (Nguyễn Thị Thúy Ngọc, 2017, tr. 951). Điều này, ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn biên giới, tác động xấu đến truyền thống đoàn kết và bản sắc văn hóa của các tộc người.

Tuy nhiên, kể từ khi siết chặt biên giới, hoạt động truyền đạo lạ từ Trung Quốc vào các TNTS ở tỉnh Hà Giang đã hạn chế đáng kể. Nhờ vậy, công tác vận động, tuyên truyền “xóa trắng” đạo lạ trên địa bàn một số huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh diễn ra thuận lợi. Tính đến thời điểm tháng 4/2024, ở Đồng Văn chỉ còn 20 hộ với 118 nhân khẩu theo đạo lạ San Su Khệ Tọ, số khác đã được chính quyền tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện quay lại phong tục tập quán cũ của dân tộc (UBND huyện Đồng Văn, 2024a, tr.3). Tại huyện Mèo Vạc, từ năm 2023 đến nay, sau 3 đợt triển khai cao điểm, toàn huyện đã vận động thành công 340 hộ với 1.572 nhân khẩu tự nguyện từ bỏ đạo lạ San su khệ tọ; xóa trắng thành công đạo lạ tại 9/13 xã (Hà Linh, 2024), qua đó giúp tăng cường mối đoàn kết trong nội bộ tộc người, giữa các tộc người trên địa bàn biên giới, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của các tộc người.

### **Kết luận**

Hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã tác động mạnh mẽ đến mối quan hệ tộc người XBG tại tỉnh Hà Giang, đặc biệt là các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa. Về tác động tích cực, hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc góp phần kiểm soát tốt dịch bệnh; kiểm soát được nguồn gốc hàng hóa, sản phẩm; hạn chế vượt biên trái phép và tình trạng buôn lậu, buôn bán phụ nữ và trẻ em; hạn chế truyền đạo trái phép, truyền bá văn hóa phẩm độc hại; thúc đẩy việc quản lý xã hội, tình hình an ninh trật tự tốt hơn;... Tuy nhiên, việc xây dựng hàng rào biên giới đã khiến cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của các TNTS nơi biên giới của nước ta bị đình trệ, sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi mất giá; người lao động mất việc làm; buôn bán, trao đổi hàng hóa qua đường tiểu ngạch tan rã; chợ biên giới ngừng hoạt động...

Bên cạnh đó, các hoạt động thăm thân vào các dịp lễ, Tết, cưới xin, tang ma, lễ cúng gia đình và dòng họ, kể cả hoạt động giao lưu văn hóa..., của người dân vùng biên đã phải chuyển từ thường xuyên và trực tiếp sang hỏi thăm hỏi, giao lưu qua mạng xã hội, điện thoại. Điều này đồng nghĩa với việc các mạng lưới xã hội của dòng họ, thân tộc, dòng tộc, bạn bè cũng như các mối liên kết trong hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội vốn hình thành từ lâu giữa các tộc người ở hai bên biên giới nay bị đứt gãy, thiếu gắn kết trực tiếp. Điều đó tác động không nhỏ tới tình cảm, tâm lý của các TNTS ở hai bên biên giới. Bởi từ khi có hàng rào biên giới đến nay, hầu hết người dân vẫn đang trông chờ vào sự thay đổi cơ chế quản lý biên giới của Trung Quốc, đồng thời rất cần sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức để người dân đổi mới tư duy, tìm kiếm việc làm nhằm thích ứng với bối cảnh mới.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thanh Bình, Vương Xuân Tình (Đồng chủ biên, 2023), *Ý thức quốc gia - dân tộc ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Công Giao tiếp điện tử tỉnh Hà Giang (2024), *Giới thiệu chung*, trên trang: <https://hagiang.gov.vn/gioi-thieu-chung> (Truy cập ngày 26/7/2024).
3. Trương Văn Cường (2023), “Di cư lao động với xóa đói giảm nghèo ở người Tày” (Nghiên cứu trường hợp xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn), *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr. 65-76.
4. Nguyễn Thị Mỹ Diệu (2021), *Hiệu quả mô hình kết nghĩa cụm cư dân biên giới*, trên trang: <https://baohagiang.vn/an-ninh-quoc-phong/202105/hieu-qua-mo-hinh-ket-nghia-cum-cu-dan-bien-gioi-776627/> (Truy cập ngày 20/9/2024).
5. Minh Đức (2024), *Sáu tháng đầu năm huyện Mèo Vạc giải quyết việc làm cho gần 6.500 lao động*, trên trang: <https://meovac.hagiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/news/44733/6-thang-dau-nam-huyen-meo-vac-giai-quyet-viec-lam-cho-gan-6-500-lao-dong.html> (Truy cập ngày 22/8/2024).
6. Lam Hạnh (2017), *Hà Giang: nhúc nhối lao động “chui” sang Trung Quốc làm thuê*, trên trang: <https://baophapluat.vn/ha-giang-nhuc-nhoi-lao-dong-chui-sang-trung-quoc-lam-thue-post252771.html> (Truy cập ngày 20/07/2024).
7. Đặng Thị Hoa, Đậu Tuấn Nam (2016), “Quan hệ thân tộc vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8, tr. 96-101.
8. Lan Hương (2022), *Hà Giang: Bảo tồn bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch*, trên trang: <https://dangcongsan.vn/ha-giang-doi-moi-phat-trien/tin-tuc/ha-giang-bao-ton-ban-sac-van-hoa-cac-dan-toc-gan-voi-phat-trien-du-lich-619634.html> (Truy cập ngày 10/8/2024).
9. Trần Thị Mai Lan (2022), “Tác động của việc đóng cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc tới đời sống của người Nùng và người Hmông ở khu vực giáp biên tỉnh Cao Bằng”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 75 - 84.
10. Hà Linh (2024), *Cách làm hay - đẩy lùi đạo lạ tại huyện vùng cao Mèo Vạc*, trên trang: <https://meovac.hagiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/news/44733/cach-lam-hay-day-lui-dao-la-tai-huyen-vung-cao-meo-vac.html> (Truy cập ngày 22/8/2024).
11. Nguyễn Thị Thúy Ngọc (2017), “Quá trình xuất hiện của Tin lành và sự biến đổi thành “đạo lạ” San Su Khệ Tọ trong cộng đồng người Hmông ở khu vực biên giới tỉnh Hà Giang”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về dân tộc, tộc người ở vùng biên giới và liên biên giới nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Phan Tân, Trần Thị Thanh Giang (2019), “Di cư lao động sang Trung Quốc của người dân khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam - nguyên nhân nhìn từ quan điểm di cư quốc tế”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 6, tr. 31-32.

13. Thanh Thủy (2018), *Hội thảo thực trạng, đề xuất giải pháp hỗ trợ phụ nữ kết hôn xuyên biên giới*, trên trang: <https://baohagiang.vn/xa-hoi/201806/hoi-thao-thuc-trang-de-xuat-giai-phap-ho-tro-phu-nu-ket-hon-xuyen-bien-gioi-726728/> (Truy cập ngày 25/7/2024).

14. Vương Xuân Tình (2014), “Quan hệ tộc người xuyên quốc gia với phát triển ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 15-24.

15. Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn (2024a), *Báo cáo tình hình, kết quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo 6 tháng đầu năm 2024*.

16. Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn (2024b), *Báo cáo tình hình thực hiện chính sách bảo đảm quyền cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đồng Văn*.

17. Ủy ban nhân dân huyện Quản Bạ (2024), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu 6 tháng cuối năm 2024*.



Hàng rào biên giới nhìn từ nhà một người dân ở xã Phú Lũng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang

Ảnh: Nguyễn Thị Thanh Bình, chụp tháng 1/2022.